

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN**
cho năm tài chính 2017
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 24 3974 5083
Email: cpahanoi1999@gmail.com * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2017	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Bà Dương Thị Thu Hương | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Dương Quốc Thái | Thành viên HĐQT |
| - Ông Dương Đức Chính | Thành viên HĐQT |
| - Ông Dương Thái Bình | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Hồng Tuấn | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/06/2017) |
| - Bà Nguyễn Tường Vi | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/01/2017) |
| - Ông Hoàng Ngọc Tiến | Thành viên HĐQT |

Ban Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| - Ông Dương Quốc Thái | Tổng Giám đốc |
| - Bà Dương Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Dương Đức Chính | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| - Bà Đỗ Thị Nghiêu | Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Minh Thảo | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 18/06/2017) |
| - Ông Lê Duyên Anh | Ủy viên |
| - Bà Trần Thị Bích | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 18/06/2017) |

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302272627, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 29/12/2015. Theo đó:

- Vốn điều lệ : **174.887.110.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).**

Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc:

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn - Chi nhánh tại Long An, địa chỉ: Lô G10, G11, Đường số 5, KCN Tân Đô, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Nghành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất bao bì màng ghép phức hợp, bao bì nhựa; Sản xuất bao bì kim loại;
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán đồ uống (không hoạt động tại trụ sở và thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM);
- Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929, bao gồm đào tạo ngoại ngữ và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành quốc tế (không hoạt động tại trụ sở), dịch vụ đại lý lữ hành (CPC 7471, không hoạt động tại trụ sở), dịch vụ điều hành tour du lịch (CPC 7471, không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì giấy;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản);

- Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865, trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật và không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ giáo dục mang tính kỹ thuật và hướng nghiệp sau trung học (CPC 9231, không hoạt động tại trụ sở);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM, trừ lúa, thóc, gạo và không hoạt động tại trụ sở);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, máy xây dựng, máy văn phòng, máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu, thiết bị và dụng cụ đo lường, máy móc thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp thương mại hàng hải (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM và không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ kho bãi (CPC 742, không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc (Khoản 3 Điều 6 Nghị định 140/2007/NĐ-CP, trừ kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không, đường sắt, đường ống và không hoạt động tại trụ sở).

Công ty có trụ sở tại: Đường số 10 - KCN Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 35.

4. Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;

Báo cáo tài chính cho năm 2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017;

- Báo cáo tài chính cho năm 2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất Kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Dương Thị Thu Hương

Tổng giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AICA

Số: 61 /2018/BCKT/BCTC/CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017

của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn

Kính gửi

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn, được lập ngày 26/03/2018, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 10 bản tiếng Việt và 10 bản tiếng Anh, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn giữ 09 bản tiếng Việt và 09 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc



Tô Quang Tùng

Giấy CNĐKHNKT số: 0270-2018-016-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Đặng Ngọc Phần.

Đặng Ngọc Phần

Giấy CNĐKHNKT số: 2459-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		848.225.305.261	784.702.292.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	721.207.738	1.703.408.239
1. Tiền	111		721.207.738	1.703.408.239
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.9	39.952.666.345	22.220.666.345
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.952.666.345	22.220.666.345
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		318.355.477.514	290.983.049.632
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	233.523.905.230	196.581.567.397
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.143.927.587	4.459.692.239
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	83.164.852.189	91.960.813.615
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(2.477.207.492)	(2.019.023.619)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	445.876.469.198	444.172.097.097
1. Hàng tồn kho	141		445.876.469.198	444.172.097.097
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.319.484.466	25.623.071.489
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	43.319.305.466	19.617.668.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8	179.000	6.005.403.156
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		305.088.016.680	250.266.447.958
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.135.625.106	2.300.631.790
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.135.625.106	2.300.631.790
II. Tài sản cố định	220		243.019.132.736	218.275.149.409
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	137.291.748.973	110.584.875.091
- Nguyên giá	222		321.483.261.251	271.037.119.483
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(184.191.512.278)	(160.452.244.392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	6.120.363.356	8.016.617.863
- Nguyên giá	225		6.897.552.356	12.915.760.583
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(777.189.000)	(4.899.142.720)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	99.607.020.407	99.673.656.455
- Nguyên giá	228		100.760.286.425	100.760.286.425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.153.266.018)	(1.086.629.970)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.015.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.015.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.918.258.838	29.690.666.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	51.918.258.838	29.690.666.759
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.153.313.321.941	1.034.968.740.760

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B01a-DN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		881.121.807.852	780.268.836.024
I. Nợ ngắn hạn	310		842.033.166.708	680.577.054.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	142.326.520.707	109.227.404.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	300.008.662	162.834.673
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	4.862.008.531	2.828.206.557
4. Phải trả người lao động	314		5.810.526.000	4.995.521.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	169.461.000	130.473.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.658.769.220	5.550.864.326
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	673.382.011.734	557.680.945.547
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.523.860.854	805.710
II. Nợ dài hạn	330		39.088.641.144	99.691.781.114
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	17.956.061.700	81.295.966.290
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	21.132.579.444	18.395.814.824
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		272.191.514.089	254.699.904.736
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	272.191.514.089	254.699.904.736
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		174.887.110.000	135.766.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		174.887.110.000	135.766.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.933.365.000	81.493.600.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(12.174.202.270)	(12.174.202.270)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.539.620.982	2.508.513.104
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.723.079.102	1.691.971.224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.282.541.275	45.413.382.678
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		19.710.272.778	24.791.225.125
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.572.268.497	20.622.157.553
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.153.313.321.941	1.034.968.740.760

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Bích

Dinh Văn Tuấn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. Dương Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B02a-DN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

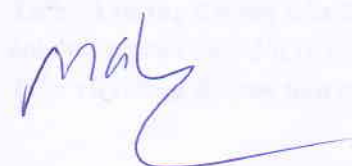
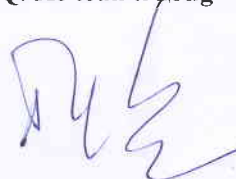
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.049.542.608.288	916.402.585.763
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.357.958.034	3.141.019.022
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	1.047.184.650.254	913.261.566.741
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	925.383.989.876	792.573.445.516
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.800.660.378	120.688.121.225
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.116.450.425	1.340.050.524
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	57.518.790.777	49.199.224.400
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.266.379.347	48.748.823.394
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	17.916.765.814	23.177.107.835
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	20.973.014.168	23.262.005.363
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.508.540.044	26.389.834.151
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	1.625.265.972	572.037.735
12.	Chi phí khác	32	VI.10	629.793.520	818.533.388
13.	Lợi nhuận khác	40		995.472.452	(246.495.653)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.504.012.496	26.143.338.498
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	5.931.743.999	5.521.180.945
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.572.268.497	20.622.157.553
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.524	1.581
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2018

T. Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 ThS. Dương Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Đinh Văn Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B03a-DN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.154.299.753.885	936.913.935.584
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.079.705.856.542)	(809.200.433.171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(49.137.619.500)	(45.758.073.350)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(57.227.391.347)	(49.068.751.400)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.909.568.674)	(4.259.240.945)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	125.798.098.128	61.906.507.330
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(70.863.708.699)	(121.026.682.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.253.707.251	(30.492.738.059)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(122.040.256.982)	(27.625.639.440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.732.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.098.590.214	768.826.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.673.666.768)	(29.856.812.784)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	968.925.793.808	753.682.572.953
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(843.977.713.486)	(691.535.627.161)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(6.510.249.515)	(2.365.080.156)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	118.437.830.807	59.781.865.636
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(982.128.710)	(567.685.207)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.703.408.239	2.271.093.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(71.791)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	721.207.738	1.703.408.239

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Dương Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Dinh Văn Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2017**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302272627, đăng ký lần đầu ngày 28/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 29/12/2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : **174.887.110.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng) .**

Công ty có trụ sở tại: Lô II - 2B, Cụm V, Nhóm Công nghiệp II, Khu công nghiệp Tân Bình, Đường số 10, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chủ yếu các loại bao bì nhựa, bao bì màng ghép phức hợp, bao bì kim loại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bao bì màng ghép phức hợp, bao bì nhựa; Sản xuất bao bì kim loại;
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán đồ uống (không hoạt động tại trụ sở và thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM);
- Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929, bao gồm đào tạo ngoại ngữ và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành quốc tế (không hoạt động tại trụ sở), dịch vụ đại lý lữ hành (CPC 7471, không hoạt động tại trụ sở), dịch vụ điều hành tour du lịch (CPC 7471, không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì giấy;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản);
- Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865, trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật và không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ giáo dục mang tính kỹ thuật và hướng nghiệp sau trung học (CPC 9231, không hoạt động tại trụ sở);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM, trừ lúa, thóc, gạo và không hoạt động tại trụ sở);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, máy xây dựng, máy văn phòng, máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu, thiết bị và dụng cụ đo lường, máy móc thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp thương mại hàng hải (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BTM và không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ kho bãi (CPC 742, không hoạt động tại trụ sở);

- Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-s-tíc (Khoản 3 Điều 6 Nghị định 140/2007/NĐ-CP, trừ kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không, đường sắt, đường ống và không hoạt động tại trụ sở).

Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc:

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn - Chi nhánh tại Long An, địa chỉ: Lô G10, G11, Đường số 5, KCN Tân Đô, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần bao bì nhựa Sài Gòn tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- 1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- 3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn đầu tư gốc không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.
- 3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.
- Tài sản là tiền và công nợ phải thu được chuyển đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại, công nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại; Các chênh lệch tỷ giá phát sinh/ đánh giá lại đều được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- 4.1 Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh
- 4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- 5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- 6.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền).
- 6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- 6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- 7.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 48 năm
Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước ngắn hạn: các khoản chi phí trả trước ngắn hạn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, được phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 12 tháng.
- Chi phí trả trước dài hạn: các khoản chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, được phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian phân bổ trên 12 tháng, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 12.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 12.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

14.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

14.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	198.647	5.314.639
Tiền gửi Ngân hàng	721.009.091	1.698.093.600
Cộng	721.207.738	1.703.408.239
2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>233.523.905.230</i>	<i>196.581.567.397</i>
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	-	-

Các khoản phải thu khách hàng khác	233.523.905.230	196.581.567.397
Cộng	233.523.905.230	196.581.567.397
3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	3.794.049.684	4.405.789.334
Nhà cung cấp nước ngoài	349.877.903	53.902.905
Cộng	4.143.927.587	4.459.692.239

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM
Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	83.164.852.189	-	91.960.813.615	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	47.741.119.003	-	55.848.105.833	-
Phải thu ngắn hạn khác	7.754.990	-	280.938.830	-
	35.415.978.196	-	35.831.768.952	-
b. Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	2.135.625.106	-	2.300.631.790	-
	2.135.625.106	-	2.300.631.790	-
Cty TNHH SX TM Vạn Đạt: thuê kho	346.710.000	-	346.710.000	-
Cty QL nợ & khai thác tài sản NH Quân Đội: thuê vp	22.349.120	-	22.349.120	-
Công ty TNHH Công Nghiệp Dệt May Việt Nam	167.680.000	-	167.680.000	-
Cty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	-	-	989.866.050	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Việt Nam	758.731.000	-	-	-
Công ty CP Tanimex (Kho 1)	304.383.420	-	304.383.420	-
Công ty CP Tanimex (Kho 2)	419.839.200	-	419.839.200	-
Công ty CP Đầu Tư DV Khánh Hội	-	-	49.804.000	-
Ngân hàng MSB	115.932.366	-	-	-
Cộng	85.300.477.295	-	94.261.445.405	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm TBF	320.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Ánh Đồng Vàng	61.964.750	61.964.750
Công ty TNHH Huỳnh Gia Huỳnh Đế	274.371.504	171.482.190
Công ty TNHH Thực phẩm J.K.LIM (Việt Nam)	87.333.729	87.333.729
Công ty TNHH Khiêm Tín	330.568.381	152.570.022
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản XNK Minh Châu	35.184.800	35.184.800

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM
Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Công ty Cổ Phần SING SING	188.322.545	188.322.545	
Công ty TNHH Mỹ phẩm Thái Bình Dương	178.734.398	178.734.398	
Công ty Cổ phần Tân Tân	152.789.867	95.493.667	
Công ty TNHH Thực phẩm Wei Wei VN	847.937.518	847.937.518	
Cộng	2.477.207.492		2.019.023.619
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu, trong đó:	159.589.151.279	-	171.092.167.404
Công cụ, dụng cụ	77.171.786.111	-	57.017.787.067
Chi phí SX, KD dở dang	68.415.083.147	-	62.957.288.616
Thành phẩm	133.539.092.973	-	124.960.086.129
Hàng hoá	7.161.355.688	-	28.144.767.881
Cộng	445.876.469.198	-	444.172.097.097

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Văn phòng Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và bị giảm giá nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	43.319.305.466	19.617.668.333
Giá trị hàng mẫu	474.675.229	259.680.188
Vật tư, phụ tùng thay thế	3.270.993.957	760.351.327
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.593.469.634	518.511.814
Phí bảo hiểm tài sản, giám sát	762.898.125	300.000.000
Chi phí công tác, tiếp khách	4.848.635.757	1.447.210.063
Phí duy tu, thuê văn phòng	773.758.597	174.435.072
Đồng phục nhân viên, chi phí nhân viên	1.810.557.690	1.514.380.619

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌNH NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM
Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

28.784.316.477

14.643.099.250

b. Dài hạn

Chi mua trực in

51.918.258.838

29.690.666.759

Vật tư, phụ tùng thay thế

1.924.877.998

1.216.045.393

Công cụ dụng cụ phân bổ

2.552.768.878

729.743.655

Lắp đặt, cải tạo thêm khu vực sản xuất

1.866.060.558

1.569.212.631

Chi phí sửa chữa văn phòng

999.593.266

25.082.364

Chi phí bảo hiểm, công tác

1.198.594.740

-

Chi phí trả trước dài hạn khác

10.417.589.356

7.842.850.030

32.958.774.042

18.307.732.686

Cộng

95.237.564.304

49.308.335.092

8. Thuế GTGT được khấu trừ

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Thuế GTGT được khấu trừ

179.000

6.005.403.156

Cộng

179.000

6.005.403.156

9. Các khoản đầu tư tài chính

Số cuối năm

Số đầu năm

Ngắn hạn

Dự phòng

Dự phòng

Đầu tư ngắn hạn khác

39.952.666.345

-

39.952.666.345

-

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng (có kỳ hạn 12 tháng)

39.952.666.345

22.220.666.345

Cộng

39.952.666.345

22.220.666.345

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	62.195.776.406	191.876.932.136	13.511.701.945	3.452.708.996	271.037.119.483
- Mua trong năm	-	43.035.043.583	150.000.000	1.200.000.000	44.385.043.583
- XDCB hoàn thành	16.377.460.000	-	-	-	16.377.460.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	10.316.361.815	-	-	10.316.361.815
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	78.573.236.406	224.595.613.904	13.661.701.945	4.652.708.996	321.483.261.251
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	34.983.175.638	114.177.176.671	8.901.971.087	2.389.920.996	160.452.244.392
- Khấu hao trong năm	5.578.115.692	19.916.123.157	1.324.805.061	318.371.106	27.137.415.016
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.398.147.130	-	-	3.398.147.130
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	40.561.291.330	130.695.152.698	10.226.776.148	2.708.292.102	184.191.512.278
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	27.212.600.768	77.699.755.465	4.609.730.858	1.062.788.000	110.584.875.091
- Tại ngày cuối năm	38.011.945.076	93.900.461.206	3.434.925.797	1.944.416.894	137.291.748.973

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
- Nhà cửa vật kiến trúc	62.195.776.406	40.561.291.330	21.634.485.076
- Máy móc thiết bị	177.853.811.676	115.539.783.471	62.314.028.205
- Phương tiện vận tải	2.077.900.000	884.493.316	1.193.406.684
Nguyên Giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.445.892.105		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	12.915.760.583	12.915.760.583
- Tăng trong năm		-
- Giảm trong năm	6.018.208.227	6.018.208.227
<i>Số dư cuối năm</i>	6.897.552.356	6.897.552.356
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	4.899.142.720	4.899.142.720
- Khấu hao trong năm	1.389.581.840	1.389.581.840
- Giảm khác	5.511.535.560	5.511.535.560
<i>Số dư cuối năm</i>	777.189.000	777.189.000
Giá trị còn lại		
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	8.016.617.863	8.016.617.863
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	6.120.363.356	6.120.363.356

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	100.711.536.425	48.750.000	100.760.286.425
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	100.711.536.425	48.750.000	100.760.286.425
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.037.879.970	48.750.000	1.086.629.970
- Khấu hao trong năm	66.636.048	-	66.636.048
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.104.516.018	48.750.000	1.153.266.018
Giá trị còn lại			
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	99.673.656.455	-	99.673.656.455
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	99.607.020.407	-	99.607.020.407

Quyền sử dụng đất nguyên giá 97.546.775.000 đồng là giá trị quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Tân Đô, vì chưa sử dụng nên tạm thời chưa khấu hao, phần khấu hao tăng trong năm 66.636.048 đồng là khấu hao giá trị quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM
Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	142.326.520.707	142.326.520.707	109.227.404.097	109.227.404.097
Chi tiết các khoản phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán	-	-	-	-
Phải trả người bán khác	142.326.520.707	142.326.520.707	109.227.404.097	109.227.404.097
b. Dài hạn	17.956.061.700	17.956.061.700	81.295.966.290	81.295.966.290
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Đô	-	-	79.085.304.590	79.085.304.590
Công ty TNHH Đầu Tư TM DV Vận Tài Sơn Hồng	8.690.000.000	8.690.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư TM DV Vận Tài Trung Sơn	7.055.400.000	7.055.400.000	-	-
Khách hàng khác	2.210.661.700	2.210.661.700	2.210.661.700	2.210.661.700
Cộng	160.282.582.407	160.282.582.407	190.523.370.387	190.523.370.387

	Số cuối năm	Số đầu năm
	300.008.662	162.834.673
	120.944.673	120.944.673
	120.944.673	120.944.673
	179.063.989	41.890.000
Cộng	300.008.662	162.834.673

14. Người mua trả tiền trước

Ngắn hạn
Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước
Công ty Cổ phần Regis Intermanagement
Người mua trả trước khác
Cộng

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	105.596.543.206	105.279.375.499	317.167.707

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM
Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	518.177.650	518.177.650	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	30.784.763	30.784.763	-
Thuế nhập khẩu	-	30.784.763	30.784.763	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.359.511.829	6.057.551.999	4.096.088.357	4.320.975.471
Thuế thu nhập cá nhân	468.694.728	2.431.793.512	2.676.622.887	223.865.353
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	40.430.160	40.430.160	-
Cộng	2.828.206.557	114.706.066.053	112.672.264.079	4.862.008.531
16. Chi phí phải trả		Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay phải trả		169.461.000		130.473.000
Cộng		169.461.000		130.473.000
17. Phải trả khác		Số cuối năm	Số đầu năm	
Ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	12.658.769.220	12.658.769.220	5.550.864.326	5.550.864.326
Bảo hiểm xã hội	876.066.691	876.066.691	594.811.391	594.811.391
Bảo hiểm y tế	1.550.949.108	1.550.949.108	341.190.825	341.190.825
Bảo hiểm thất nghiệp	67.441.275	67.441.275	61.634.250	61.634.250
Các khoản phải trả phải nộp khác	29.715.600	29.715.600	27.393.000	27.393.000
	10.134.596.546	10.134.596.546	4.525.834.860	4.525.834.860
Cộng	12.658.769.220	12.658.769.220	5.550.864.326	5.550.864.326

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

18. Vay và nợ thuế tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.						
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
NH ĐT và PT CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	673.382.011.734	673.382.011.734	961.778.815.301	846.077.749.114	557.680.945.547	557.680.945.547
NH NN& PTNT Chi nhánh Phú Nhuận	399.966.624.846	399.966.624.846	449.390.424.211	439.666.195.327	390.242.395.962	390.242.395.962
NH TMCP Phát triển TP HCM - TTKD	49.890.406.969	49.890.406.969	91.644.904.615	85.971.924.079	44.217.426.433	44.217.426.433
NH PVcombank CN SG	43.012.496.592	43.012.496.592	98.272.543.557	95.720.471.447	40.460.424.482	40.460.424.482
NH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	49.937.579.921	49.937.579.921	136.919.370.138	136.967.169.720	49.985.379.503	49.985.379.503
NH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	29.943.594.276	29.943.594.276	35.652.112.915	31.955.450.100	26.246.931.461	26.246.931.461
NH MSB - Chi nhánh TPHCM	745.220.069	745.220.069	1.467.470.804	751.638.441	29.387.706	29.387.706
Vay ngắn hạn cá nhân	99.886.089.061	99.886.089.061	99.933.089.061	47.000.000	-	-
b.						
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
NH NN&PTNT - CN Phú Nhuận (USD)	21.132.579.444	21.132.579.444	13.645.978.507	10.909.213.887	18.395.814.824	18.395.814.824
Nợ dài hạn (Thuế tài chính Á Châu)	11.092.836.388	11.092.836.388	249.426.151	4.398.964.372	15.242.374.609	15.242.374.609
Nợ dài hạn (Thuế tài chính VILC)	-	-	-	3.153.440.215	3.153.440.215	3.153.440.215
Vay dài hạn cá nhân	3.540.743.056	3.540.743.056	6.897.552.356	3.356.809.300	-	-
Cộng	694.514.591.178	694.514.591.178	975.424.793.808	856.986.963.001	576.076.760.371	576.076.760.371

Chi tiết các khoản vay: (Thuyết minh VII.1.4: Tài sản đảm bảo).

c. Các khoản nợ thuế tài chính	Năm trước		Năm nay	
	Tổng thanh toán tiền thuế tài chính	Trả gốc	Tổng thanh toán tiền thuế tài chính	Trả gốc
Thời hạn				
Trên 01 năm đến 05 năm	5.307.353.448	4.923.811.719	468.080.569	2.365.080.156

Tài sản đảm bảo các khoản vay xem Thuyết minh số VII.1.4

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

19. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	135.766.640.000	81.493.600.000	(12.174.202.270)	1.995.963.591	1.179.421.711	27.542.759.621	235.804.182.653
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	20.622.157.553	20.622.157.553
- Tăng khác	-	-	-	512.549.513	512.549.513	-	1.025.099.026
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.751.534.496)	(2.751.534.496)
2. Số dư cuối năm trước	135.766.640.000	81.493.600.000	(12.174.202.270)	2.508.513.104	1.691.971.224	45.413.382.678	254.699.904.736
3. Số dư đầu năm nay	135.766.640.000	81.493.600.000	(12.174.202.270)	2.508.513.104	1.691.971.224	45.413.382.678	254.699.904.736
- Tăng vốn trong năm nay	39.120.470.000	-	-	-	-	-	39.120.470.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	21.572.268.497	21.572.268.497
- Tăng khác	-	-	-	1.031.107.878	1.031.107.878	-	2.062.215.756
- Giảm vốn trong năm nay	-	(19.560.235.000)	-	-	-	-	(19.560.235.000)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(25.703.109.900)	(25.703.109.900)
4. Số dư cuối năm nay	174.887.110.000	61.933.365.000	(12.174.202.270)	3.539.620.982	2.723.079.102	41.282.541.275	272.191.514.089

Theo Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ/NQ ngày 18/06/2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015, 2016 và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 42/SPL/CV ngày 16/08/2017, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 1.031.107.878 đồng; Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ: 1.031.107.878 đồng; Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.062.215.755 đồng; Quỹ Khen thưởng Ban quản lý điều hành: 1.031.107.878 đồng; Thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT và BKS: 924.431.511 đồng; Trả tiền truy thu thuế 2016: 62.904.000 đồng; Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 19.560.690.000 đồng; Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 19.560.235.000 đồng. Theo đó lợi nhuận sau thuế của Công ty giám: 25.703.109.900 đồng; Thặng dư vốn cổ phần giám: 19.560.235.000 đồng; Vốn điều lệ tăng lên: 39.120.470.000 đồng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đỗ Thị Nghiêu	3,32%	5.799.200.000	4.460.930.000
Dương Quốc Thái	6,14%	10.736.380.000	11.258.760.000
Dương Thái Bình	1,93%	3.370.650.000	2.592.810.000
Dương Thị Thu Hương	7,41%	12.955.940.000	9.966.110.000
Dương Văn Xuyên	0,67%	1.175.770.000	4.610.000.000
Lưu Quốc Dũng	0,88%	1.530.360.000	1.177.200.000
Nguyễn Hồng Tuấn	0,82%	1.427.410.000	1.093.630.000
Cổ đông khác	78,85%	137.891.400.000	100.607.200.000
Cộng		174.887.110.000	135.766.640.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	135.766.640.000	135.766.640.000
Vốn góp tăng trong năm	39.120.470.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	174.887.110.000	135.766.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.488.711	13.576.664
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.488.711	13.576.664
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.488.711	13.576.664
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	536.200	536.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	536.200	536.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.952.511	13.040.464
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.952.511	13.040.464
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	3.539.620.982	2.508.513.104
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.723.079.102	1.691.971.224
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.523.860.854	805.710

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	447.786.433.918	459.628.848.217
Doanh thu bán hàng hóa	601.756.174.370	456.773.737.546
Cộng	1.049.542.608.288	916.402.585.763

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

	Năm nay	Năm trước
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	1.860.007.347	2.946.803.073
Hàng bán bị trả lại	497.950.687	194.215.949
Cộng	2.357.958.034	3.141.019.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	445.428.475.884	456.487.829.195
Doanh thu bán hàng hóa	601.756.174.370	456.773.737.546
Cộng	1.047.184.650.254	913.261.566.741
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	390.369.507.272	381.474.411.731
Giá vốn hàng hóa	535.014.482.604	411.099.033.785
Cộng	925.383.989.876	792.573.445.516
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.098.590.214	784.341.134
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.860.211	128.940.300
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	426.769.090
Cộng	1.116.450.425	1.340.050.524
6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	57.266.379.347	48.748.823.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	252.411.430	450.401.006
Cộng	57.518.790.777	49.199.224.400
7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.734.244.850	4.734.732.815
Chi phí vật liệu, bao bì	1.531.751.979	1.271.303.871
Chi phí dụng cụ đồ dùng	108.622.935	268.198.622
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.989.820	68.989.812
Chi phí bảo hành	-	43.272.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.113.871.710	11.702.528.176
Chi phí bằng tiền khác	4.379.284.520	5.063.081.660
Chi phí chứng từ không hợp lệ	-	25.000.000
Cộng	17.916.765.814	23.177.107.835
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.044.174.096	11.761.972.854
Chi phí vật liệu quản lý	521.426.864	731.700.899
Chi phí đồ dùng văn phòng	714.840.257	1.043.627.768
Chi phí khấu hao TSCĐ	812.618.547	798.902.767
Thuế, phí và lệ phí	387.737.463	463.201.848
Chi phí dự phòng	458.183.873	186.790.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.488.864.343	3.744.751.777
Chi phí bằng tiền khác	2.904.508.190	4.183.201.393
Chi phí chứng từ không hợp lệ	640.660.535	347.855.714
Cộng	20.973.014.168	23.262.005.363

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt khách hàng	92.436.696	237.442.741
Thu nhập quà biếu, quà tặng	32.335.617	-
Thu các khoản nợ để xóa sổ	-	1.862.237
Các khoản tiền thưởng của khách	182.460	220
Thu nhập khác	1.432.965.791	332.732.537
Các khoản nợ phải trả không xác định	67.345.408	-
Cộng	1.625.265.972	572.037.735
10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	20.662.329	1
Phạt vi phạm hành chính	146.535.849	227.959.008
Chi phí khác	462.595.342	590.574.379
Cộng	629.793.520	818.533.388
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.504.012.496	26.143.338.498
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	2.154.707.495	1.462.566.225
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>2.152.929.247</i>	<i>1.461.728.280</i>
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>(1.778.248)</i>	<i>(837.945)</i>
Tổng lợi nhuận chịu thuế	29.658.719.991	27.605.904.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	20%	20%
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp	5.931.743.999	5.521.180.945
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.572.268.497	20.622.157.553
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.572.268.497	20.622.157.553
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	13.040.464	13.040.464
Số cổ phiếu phát hành thêm trong năm (ngày 19/09/2017)	3.912.047	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	14.155.129	13.040.464
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.524	1.581
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí NVL	805.259.778.473	684.189.960.939
Chi phí nhân công	40.417.741.971	38.258.672.671
Chi phí vật liệu, sản xuất	2.932.043.038	3.835.070.402
Chi phí CCDC	10.643.368.931	12.749.385.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.220.488.977	22.694.372.554

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.759.512.536	29.675.504.836
Chi phí bằng tiền khác	1.151.055.950	1.170.478.795
Cộng	925.383.989.876	792.573.445.516

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn Cổ phần trừ (-) đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	721.207.738	721.207.738
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	322.968.310.112	320.491.102.620

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 31/12/2017
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	694.514.591.178
Phải trả người bán	160.282.582.407

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	142.326.520.707	17.956.061.700	160.282.582.407

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

Vay và nợ ngắn hạn	673.382.011.734	-	673.382.011.734
Vay và nợ dài hạn	-	21.132.579.444	21.132.579.444

1.4 Tài sản đảm bảo

- Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận: hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng; sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 9 tháng với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và phần còn lại của khoản vay dài hạn là máy móc thiết bị và bảo hiểm hàng hóa tồn kho luân chuyển.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN.Nam Kỳ Khởi Nghĩa (BIDV- CN NKKN): hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng; mục đích vay tái cơ cấu các khoản vay ngắn hạn của các tổ chức tín dụng. Thời hạn vay là 10 tháng với lãi suất 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là máy móc thiết bị, nguyên liệu, quyền sử dụng đất của Công ty và Quyền sử dụng đất của bên thứ ba (cá nhân).
- Khoản vay Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn: hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng; sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 9 tháng, lãi suất là 11%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển, và khoản tiền thu khách hàng vào tài khoản tương ứng với khoản dư nợ vay.
- Khoản vay ngân hàng MSB - Chi nhánh TPHCM: hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động LC để thực hiện sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 7 tháng với lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền thu khách hàng vào tài khoản tương ứng với dư nợ vay và giá trị Quyền sử dụng đất tại KCN Tân Đô.
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn: hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng; sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động, thanh toán LC phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng với lãi suất 9,25%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển, và khoản tiền thu khách hàng vào tài khoản tương ứng với khoản dư nợ vay.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - TTKD: hạn mức cho vay 45.000.000.000 đồng sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động, thanh toán LC phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 6 tháng với lãi suất 10,03%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển, và khoản tiền thu khách hàng vào tài khoản tương ứng với khoản dư nợ vay, và bảo lãnh cá nhân.

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	Năm nay
* Tiền thu từ bán hàng: (MS 01)	1.154.299.753.885
Thu nợ cũ	137.293.592.331
Thu tiền bán hàng trong kỳ	1.017.006.161.554
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS 02)	(1.079.705.856.542)
Trả cho người cung cấp hàng hóa	(1.070.512.112.423)
Trả cho người cung cấp dịch vụ	(9.193.744.119)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

* Tiền chi trả lãi vay: (MS 04)	(57.227.391.347)
Tổng lãi phát sinh phải trả	(57.266.379.347)
Số đã trả	(57.227.391.347)
Số còn phải trả	169.461.000
* Tiền chi mua sắm tài sản cố định: (MS 21)	(122.040.256.982)
Nguyên giá tài sản cố định mua kỳ này	47.815.581.000
Chi trả tiền mua tài sản cố định kỳ này và những kỳ trước	(122.040.256.982)
* Tiền thu từ đi vay (MS 33)	968.925.793.808
Vay nhận được bằng tiền gửi ngân hàng	146.771.443.557
Vay trả thẳng cho nhà cung cấp	766.125.212.320
Vay trả lương	47.147.523.500
Vay trả thuế	267.165.120
Tăng nợ vay do đánh giá lại vay ngoại tệ	249.426.151
Vay trả khác	8.365.023.160
* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS 34)	(843.977.713.486)
Trả vay ngắn hạn:	(839.578.749.114)
Trả vay dài hạn:	(4.398.964.372)

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

4. Thông tin giao dịch với các bên liên quan**Bên liên quan****Năm nay**

Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và
lương Ban Giám đốc thực nhận

3.970.600.000

Trong đó:

+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

828.000.000

+ Lương Ban giám đốc

3.142.600.000

5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

6. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	26,45%	24,18%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73,55%	75,82%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	76,40%	75,39%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Địa chỉ: Đường số 10 - KCN Tân Bình, Q Tân Phú, TP HCM

Điện thoại: 028 3816 2767 Fax: 028 3815 5262

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2017

- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	23,60%	24,61%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,31	1,33
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,01	1,15
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,48	0,50
3 Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,63%	2,86%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2,06%	2,26%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	2,38%	2,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1,87%	1,99%

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

mal

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Dinh Văn Tuấn



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Dương Thị Thu Hương

